

TRƯỜNG THPT MEITOKU GIJUKU NHẬT BẢN

(Thành phố Susaki, tỉnh Kochi, Nhật Bản)

Đại diện tuyển sinh tại Việt Nam: Công ty Cổ phần Du học Plus

Thông báo tuyển sinh khóa nhập học tháng 10/2020 (khóa 3,5 năm & 1,5 năm)

Điều kiện nhập học	<ol style="list-style-type: none">Học sinh có nguyện vọng học lên đại học tại Nhật Bản và có nỗ lực để làm được việc đó.Học sinh có thể tuân thủ pháp luật Nhật Bản, nội quy nhà trường.Học sinh có thể chứng minh được đã có quá trình học tiếng Nhật tại Việt Nam 1 năm trở lên. Riêng khóa nhập học từ lớp 12, học sinh phải có trình độ tiếng Nhật tương đương N3 trở lên.Học sinh đã tốt nghiệp THCS hoặc sẽ tốt nghiệp THCS trước 1/10/2020Học sinh có sức khỏe tốt.
Chương trình học	3,5 năm (nhập học từ lớp 10), 1,5 năm (nhập học từ lớp 12), 1,5 năm (khóa dự bị đại học)
Thi sơ tuyển	Tiếng Anh; Toán; Trắc nghiệm tâm lý; Phỏng vấn (thi tại Việt Nam trong tháng 4&5/2020)
Thông báo kết quả sơ tuyển	Sau 10 ngày
Hồ sơ xin COE	<ol style="list-style-type: none">Đơn xin nhập học (theo mẫu)Lý do du học (theo mẫu)Đơn bảo lãnh (theo mẫu)Giấy tờ chứng minh quan hệ với người bảo lãnh (Hộ khẩu, Giấy khai sinh)Giấy xác nhận công việc của người bảo lãnh (trường hợp tự kinh doanh nộp bản sao Giấy phép kinh doanh)Giấy xác nhận thu nhập hàng năm của người bảo lãnh (quá khứ 3 năm)Giấy xác nhận số dư tiền gửi ngân hàng của người bảo lãnhBản sao Sổ tiết kiệm, hoặc Sao kê tài khoản của người bảo lãnh (quá khứ 2 năm)Giấy chứng nhận tốt nghiệp THCSGiấy chứng nhận đang học THPTBản sao Học bạ THCSBản sao Học bạ lớp 10, 11Giấy xác nhận quá trình học tiếng Nhật (tối thiểu 1 năm)8 ảnh 3cm x 4cmBản sao Hộ chiếu (nếu có)Chứng chỉ năng lực tiếng Nhật (JLPT, J-TEST, v.v...) (nếu có)

Lưu ý về giấy tờ	<p>(1) Sử dụng khổ giấy A4 cho các loại giấy tờ</p> <p>(2) Các giấy tờ do nhà trường, công ty phát hành cần có tiêu đề ghi rõ tên cơ quan, địa chỉ, điện thoại, fax, địa chỉ email, v.v... in trên giấy chuyên dụng.</p> <p>(3) Các giấy tờ ghi ngày cấp không quá 3 tháng, càng mới càng tốt.</p>
Trình tự làm hồ sơ cho đến lúc nhập học	<ul style="list-style-type: none"> - Du học Plus nộp hồ sơ sang trường, trường nộp hồ sơ lên Cục Quản lý nhập cảnh (QLNC) Nhật Bản - Cục QLNC cấp Giấy chứng nhận tư cách lưu trú (COE) - Nộp học phí (chuyển khoản sang Nhật) - Xin visa tại ĐSQ Nhật Bản tại Việt Nam - Sang Nhật Bản nhập học
Kinh phí	<ul style="list-style-type: none"> - Xin mời xem bảng kinh phí chi tiết đi kèm tài liệu này.
Các lưu ý khác	<p>(1) Tình trạng ký túc xá còn phòng trống hay không cũng ảnh hưởng đến việc nhập học của học sinh. Nhà trường có thể từ chối nếu ký túc xá không còn phòng trống.</p> <p>(2) Nhà trường đón học sinh miễn phí tại sân bay Ryoma Kochi hoặc nhà ga tàu điện Kochi.</p>

THÔNG TIN HỌC PHÍ

Đơn vị tiền tệ: Yên Nhật

Năm thứ nhất (nộp sau khi có kết quả COE)

Các chi phí đầu vào	<i>Phí tuyển sinh</i>	Miễn phí
	<i>Phí nhập học</i>	100,000
	<i>Phí thiết bị</i>	100,000
	<i>Phí vào Ký túc xá</i>	100,000
	Tổng từng khoản	300,000
Chi phí cơ bản (12 tháng)	<i>Học phí</i>	300,000
	<i>Phí đào tạo nâng cao</i>	156,000
	<i>Tiền phòng ở</i>	360,000
	<i>Tiền ăn</i>	516,000
	<i>Phí cộng đồng</i>	60,000
	<i>Phí khác</i>	123,000
	<i>Phí hỗ trợ nhà trường (bao gồm phí sinh hoạt tập thể và phí PTA)</i>	84,000
	<i>Phí thuê chăn ga gối đệm</i>	19,800
	<i>Tiền hỗ trợ học tập từ Chính quyền (khoản miễn giảm)</i>	118,800
Tổng từng khoản	1,500,000	

Phụ phí lớp học	Tài liệu học tập	36,700
	Bảo hiểm (cho 12 tháng)	16,500
	Hoạt động trong lớp	100,000
	Tổng từng khoản	153,200
Phí quần áo, giày dép và các vật dụng khác	Áo khoác ngoài (mùa đông và mùa hè)	61,000
	Áo khoác đồng phục thể thao	31,400
	Sơ mi và tất (áo sơ mi cho mùa hè x 2, áo sơ mi dày cho mùa đông x 1, áo phông x 2, tất x 2, quần đùi thể thao x 1)	24,000
	Cặp sách	3,200
	Giày đi trong trường, giày đi trong phòng tập	4,500
	Giày đi học	7,800
	Áo Happi của trường (loại áo truyền thống của Nhật mặc trong các dịp kỷ niệm v...v...)	4,900
	Thẻ tên, thẻ học sinh	1,950
	Bảng pha màu (dùng cho môn Mỹ thuật)	1,950
	Tủ khóa đồ cá nhân	3,000
	Đèn bàn	3,100
Tổng từng khoản	146,800	
Tổng các khoản		2,100,000

Các năm tiếp theo (nộp vào cuối năm học trước)

Khóa học	Năm học	Học phí
		<i>Smart Counseling</i>
Khóa 1, 5 năm	Năm thứ hai	Theo bảng B
Khóa 3,5 năm	Năm thứ hai	Theo bảng A
	Năm thứ ba	Theo bảng A
	Năm thứ tư	Theo bảng B

Bảng A

Chi phí cơ bản (12 tháng)	Học phí	300,000
	Phí đào tạo nâng cao	156,000
	Tiền phòng ở	360,000
	Tiền ăn	516,000
	Phí cộng đồng	60,000
	Các chi phí khác	123,000
	Phí hỗ trợ nhà trường (bao gồm phí sinh hoạt tập thể và phí PTA)	84,000
	Phí thuê chăn ga gối đệm (12 tháng)	19,800
	Phí bảo hiểm quốc gia (12 tháng)	22,000
	Phí thuê kết sắt (12 tháng)	3,000
	Tiền hỗ trợ học tập từ chính quyền (khoản miễn giảm)	118,800
Tổng		1,525,000

Bảng B		
Chi phí cơ bản (6 tháng)	<i>Học phí</i>	150,000
	<i>Phí đào tạo nâng cao</i>	78,000
	<i>Tiền phòng ở</i>	180,000
	<i>Tiền ăn</i>	258,000
	<i>Phí cộng đồng</i>	30,000
	<i>Các chi phí khác</i>	61,500
	<i>Phí hỗ trợ nhà trường (bao gồm phí sinh hoạt tập thể và phí PTA)</i>	42,000
	<i>Phí thuê chăn ga gối đệm (12 tháng)</i>	9,900
	<i>Miễn giảm (hỗ trợ học tập)</i>	59,400
Tổng		750,000

Lưu ý:

- *Học phí đóng mỗi năm 1 lần*
- *Học phí có thể có sự thay đổi (không đáng kể) từng năm.*

DUHOCPLUS
Smart Counseling

DUHOCPLUS
Smart Counseling

CÔNG TY CỔ PHẦN DU HỌC PLUS

Tầng 3, số 41 phố Vạn Bảo, quận Ba Đình, Hà Nội

Tel: 024-3232-1859

Hotline: 079-220-9888; 0906-434-999

E-mail: info@duhocplus.vn

Website: <http://duhocplus.vn>